PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

2. Thông tin về nhân sự

Nhân sự			Tổng số	Chia theo trình độ đào tạo						Chia theo chế độ lao động			Trong tổng số		
				Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	TH 12 + 2	TH 9 + 3	Dưới THSP	Biên chế	Hợp đồng	Thỉnh giảng	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
Tổng số CB, GV, NV:			36		22	5	4			31	5		31	2	2
Cán bộ quản lý	H.Trưởng		1		1					1					
	PH.Trưởng		1		1					1			1		
	Trong đó	Nữ	1		1					1					
		Dân tộc													
		Nữ DT													
Tổng phụ trách Đội TNTP-HCM	Chuyên trách		1				1			1			1		
	Kiêm nhiệm														
Tổng số giáo viên			25		18	4	3			25			24	1	1
Trong đó	Nữ		24		17	4	3			24					
	Dân tộc		1			1				1					
	Nữ dân tộc		1			1				1					
Chia ra	Tiểu học		17		12	3	2			17			17	1	1
	Thể dục		2		2					2			2		
	Âm nhạc		1			1				1			1		
	Mĩ thuật		1				1			1			1		
	Tin học		1		1					1			1		
	Tiếng DT														
	Tiếng Anh		2		2					2			2		
	Ngoại ngữ #														
Tổng số nhân viên			8		2	1				3	5		5	1	1
Chia ra	Thư viện, thiết bị, CNTT														
	Văn thư, kế toán, y tế và thủ quỹ		2		1	1				2			2	1	1
	Giáo vụ														

	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
	NV khác	5								5		2		
Giáo viên Tiếng Anh chia theo chuẩn năng lực		Tổng số	C2	C1	B2	B1	Dưới B1	Chứng chỉ SP	Biên chế	Hợp đồng	Thỉnh giảng	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
		2	0	0	2	0		0	2	0	0	2	0	0

An Thái, ngày 15 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

4. Thông tin về học sinh

Loại		Tổng số		Lớp - Học sinh										Trong tổng số	
				Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Lớp ghép	
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Học sinh lưu ban năm học trước			2		1		1		0		0		0		0
Trong TS: + Nữ			0		0		0		0		0		0		0
+ Dân tộc			0		0		0		0		0		0		0
+ Nữ dân tộc			0		0		0		0		0		0		0
Học sinh bỏ học trong hè			0		0		0		0		0		0		0
Trong TS: + Nữ			0		0		0		0		0		0		0
+ Dân tộc			0		0		0		0		0		0		0
+ Nữ dân tộc			0		0		0		0		0		0		0
Học sinh		16	389	4	97	3	86	3	63	3	67	3	76	0	0
Trong TS: - Nữ			196		49		37		29		41		40		0
- Dân tộc:			7		1		3		2		0		1		0
- Nữ dân tộc			1		0		1		0		0		0		0
- Lớp ghép		0	0		0		0		0		0		0	0	0
Chia ra:	Dân số														
- 6 tuổi			92		92		0								0
- 7 tuổi			82		4		77		1						0
- 8 tuổi			69		1		8		60		0				0
- 9 tuổi			63		0		1		1		61		0		0
- 10 tuổi			76		0		0		1		5		70		0
- 11 tuổi			7		0		0		0		1		6		0
- 12 tuổi			0		0		0		0		0		0		0
- 13 tuổi			0		0		0		0		0		0		0
- 14 tuổi			0		0		0		0		0		0		0
- Trên 14 tuổi			0		0		0		0		0		0		0

Chia ra:		16	389	4	97	3	86	3	63	3	67	3	76	0	0
- Học dưới 30 tiết/tuần		3	29	1	15	1	7	1	7	0	0	0	0	0	0
- Học 30 tiết/tuần		2	19	0	0	0	0	0	0	1	10	1	9	0	0
- Học 31 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Học 32 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Học 33 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Học 34 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Học 35 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Học trên 35 tiết/tuần		11	341	3	82	2	79	2	56	2	57	2	67	0	0
Học sinh học ngoại ngữ:		16	389	4	97	3	86	3	63	3	67	3	76	0	0
- Tiếng Anh 2 tiết/tuần		13	326	4	97	3	86	0	0	3	67	3	76	0	0
- Tiếng Anh 3 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tiếng Anh 4 tiết/tuần		3	63	0	0	0	0	3	63	0	0	0	0	0	0
- Tiếng Anh trên 4 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tiếng Pháp		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tiếng Nhật		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tiếng Trung		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Ngoại ngữ khác		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Học sinh học tin học		12	292	0	0	3	86	3	63	3	67	3	76	0	0
Trong đó:	Nữ		147		0		37		29		41		40		0
	DT		6		0		3		2		0		1		0
	NDT		1		0		1		0		0		0		0
Học sinh học tiếng dân tộc					0		0		0		0		0		0
Học sinh khuyết tật:			4		0		0		2		1		1		0
Trong đó:	Nữ				0		0		0		0		0		0
	DT				0		0		0		0		0		0
	NDT				0		0		0		0		0		0
Chia ra: - Hòa nhập			4		0		0		2		1		1		0
- Chuyên biệt (lớp CB)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Học sinh bán trú:		12	74	3	12	3	26	2	10	2	16	2	10	0	0
Trong đó:	Nữ				5		14		7		9		5		0
	DT				0		0		0		0		0		0

NDT				0		0		0		0		0		0	
Mô hình VNEN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
HSDT có nhu cầu hỗ trợ N.Ngữ		0		0		0								0	
HSDT có TL tăng cường T.Việt		0		0		0		0		0		0		0	
Lớp có đủ TBDH-TViệt	16		4		3		3		3		3		0		
Lớp có đủ TBDH-Toán	16		4		3		3		3		3		0		
Ban đại diện cha, mẹ HS lớp	16		4		3		3		3		3		0		
Ban đại diện cha, mẹ HS trường		Có													

An Thái, ngày 15 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

3. Thông tin về cơ sở vật chất

Diện tích đất	Số lượng (m2)
Tổng diện tích khuôn viên đất	
Trong đó: Diện tích đất được cấp	33567.2
Diện tích đất đi thuê (mượn)	
Diện tích đất sân chơi, bãi tập	

Phòng	Trên cấp 4		Cấp 4		Tạm		Mượn	
	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)
- Phòng học văn hoá								
Trong đó: + Số phòng học đủ DTích và BGhế phù hợp tổ chức học nhóm	9	504	7	347				
+ Số phòng học đủ diện tích cho việc bố trí các nhóm học tập	9	504	7	347				
+ Số phòng học có đủ bàn ghế phù hợp cho việc tổ chức học nhóm	9	504	7	347.2				
- Phòng học tin học	1	56						
- Phòng học ngoại ngữ			1	50				
- Phòng giáo dục thể chất (đa năng)								
- Hội trường								
- Phòng giáo dục nghệ thuật								
- Phòng giáo dục mỹ thuật								
- Phòng giáo dục âm nhạc								
- Phòng Thư viện			2	99				
- Phòng thiết bị giáo dục			1	32				
- Phòng truyền thống và hoạt động Đội			1	50				
- Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật								
- Phòng y tế học đường			1	17				
- Phòng hiệu trưởng			1	9				
- Phòng phó hiệu trưởng			1	9				
- Phòng giáo viên								
- Phòng họp giáo viên (hội đồng)								
- Văn phòng			1	32				
- Phòng thường trực - Bảo vệ			1	12				
- Nhà công vụ giáo viên								
- Phòng kho lưu trữ								
- Phòng khác								
- Nhà bếp								
- Phòng ăn (HS)								
- Phòng nghỉ (HS)								

Nhà vệ sinh	Dùng cho GV Nam		Dùng cho GV nữ		Dùng cho HS nam		Dùng cho HS nữ	
	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)
Đạt chuẩn vệ sinh (*)								

Chưa đạt chuẩn vệ sinh								
Không có	X		X		X		X	

(*) Nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ, nhà tiêu chìm có ống thông hơi, nhà tiêu thấm dội nước, nhà tiêu tự hoại

An Thái, ngày 15 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHONG GIAO DỤC ĐAO TẠO PHU GIAO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

5. Thông tin về điểm trường (CSVC)

TT	Tên điểm trường	Diện tích (m2)	Diện tích sân chơi, bãi tập (m2)	Phòng học theo cấp xây dựng								Phòng học đủ điều kiện tổ chức học nhóm			Khu vệ sinh đạt chuẩn vệ sinh*								Nhà xe			
				Trên cấp IV		Cấp IV		Tạm		Mượn					GV Nam		GV Nữ		HS Nam		HS Nữ		GV		HS	
				S.Lượng	D.Tích (m2)	S.Lượng	D.Tích (m2)	S.Lượng	D.Tích (m2)	S.Lượng	D.Tích (m2)	Đủ diện tích và bàn ghế	Đủ dện tích - thiếu bàn ghế	Đủ bàn ghế - thiếu diện tích	Số lượng	D.Tích (m2)	Số lượng	D.Tích (m2)	Số lượng	D.Tích (m2)	Số lượng	D.Tích (m2)	Số lượng	D.Tích (m2)	Số lượng	D.Tích (m2)
	Cộng	33567		9	504	7	378					16			3	9	3	9	3	15	3	15	1	96	1	125
1	Trường TH An Thái	9500		9	504	2	98					11			2	6	2	6	2	6	2	6	1	96	1	125
2	Bình Thạnh	24067				5	280					5			1	3	1	3	1	9	1	9				

(*) Nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ, nhà tiêu chìm có ống thông hơi, nhà tiêu thấm dội nước, nhà tiêu tự hoại

An Thái, ngày 15 tháng 9 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

6. Thông tin về điểm trường (HS)

TT	Tên điểm trường	Lớp ghép	Lớp 1							Lớp 2							Lớp 3							Lớp 4							Lớp 5						
			Số lớp	Học sinh						Số lớp	Học sinh						Số lớp	Học sinh						Số lớp	Học sinh						Số lớp	Học sinh					
				Tổng số	Trong tổng số						Tổng số	Trong tổng số						Tổng số	Trong tổng số						Tổng số	Trong tổng số						Tổng số	Trong tổng số				
					Nữ	dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật			Nữ	dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật			Nữ	dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật			Nữ	dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật			Nữ	dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
	Cộng	0	4	97	49	1	0	0	0	3	86	37	3	1	0	0	3	64	29	2	0	0	2	3	67	41	0	0	0	1	3	76	40	1	0	0	1
1	Trường TH An Thái	0	3	82	42	0	0	0	0	2	79	34	3	1	0	0	2	57	26	2	0	0	1	2	57	35	0	0	0	1	2	67	34	1	0	0	1
2	Bình Thạnh	0	1	15	7	1	0	0	0	1	7	3	0	0	0	0	1	7	3	0	0	0	1	1	10	6	0	0	0	0	1	9	6	0	0	0	0

An Thái, ngày 15 tháng 9 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ

Năm học :	**2018-2019**
Trường :	**Trường TH An Thái**

1. Chất lượng giáo dục

	Tổng số học sinh	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5					
		Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số				
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																															
1. Tiếng Việt		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Hoàn thành tốt		##	48	30					37	26					23	13					29	20					38	25			
Hoàn thành		##	46	18	1				43	11	3	1			36	15	1				37	21					36	14	1		
Chưa hoàn thành		11	3	1					6						2		1														
2. Toán		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Hoàn thành tốt		##	40	23					38	25					25	14					28	19					38	24			
Hoàn thành		##	53	25	1				44	11	3	1			32	13	1				38	22					36	15	1		
Chưa hoàn thành		12	4	1					4	1					4	1	1														
3. Đạo đức		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Hoàn thành tốt		##	49	30	1				36	25					31	15	1				37	25					47	31			
Hoàn thành		##	48	19					50	12	3	1			30	13	1				29	16					27	8	1		
Chưa hoàn thành																															
4. Tự nhiên và Xã hội		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2														
Hoàn thành tốt		##	49	27	1				37	26					28	14	1														
Hoàn thành		##	48	22					49	11	3	1			33	14	1														
Chưa hoàn thành																															
5. Khoa học		##																			66	41					74	39	1		
Hoàn thành tốt		77																			31	22					46	30			
Hoàn thành		63																			35	19					28	9	1		
Chưa hoàn thành																															
6. Lịch sử và Địa lý		##																			66	41					74	39	1		
Hoàn thành tốt		76																			31	22					45	30			
Hoàn thành		64																			35	19					29	9	1		
Chưa hoàn thành																															
7. Âm nhạc		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Hoàn thành tốt		##	36	24					32	23	1	1			24	15					27	20					31	23			
Hoàn thành		##	61	25	1				54	14	2				37	13	2				39	21					43	16	1		
Chưa hoàn thành																															
8. Mĩ thuật		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		

Hoàn thành tốt		##	28	22					30	27					20	14	1				17	12					29	19			
Hoàn thành		##	69	27	1				56	10	3	1			41	14	1				49	29					45	20	1		
Chưa hoàn thành																															
9. Thủ công, Kĩ thuật		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Hoàn thành tốt		##	45	29					38	27					26	16					34	24					43	28			
Hoàn thành		##	52	20	1				48	10	3	1			35	12	2				32	17					31	11	1		
Chưa hoàn thành																															
10. Thể dục		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Hoàn thành tốt		##	28	19					24	20					20	11					22	15					22	14			
Hoàn thành		##	69	30	1				62	17	3	1			41	17	2				44	26					52	25	1		
Chưa hoàn thành																															
11. Ngoại ngữ		##							86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Hoàn thành tốt		##							37	25					23	12					24	18					30	20			
Hoàn thành		##							42	12	3	1			36	16	2				40	21					44	19	1		
Chưa hoàn thành		11							7						2						2	2									
12. Tin học		##													61	28	2				66	41					74	39	1		
Hoàn thành tốt		80													24	11	1				23	15					33	22			
Hoàn thành		##													37	17	1				43	26					41	17	1		
Chưa hoàn thành																															
13. Tiếng dân tộc																															
Hoàn thành tốt																															
Hoàn thành																															
Chưa hoàn thành																															
II. Năng lực																															
Tự phục vụ tự quản		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Tốt		##	67	39	1				38	27					24	14					34	23					51	32	1		
Đạt		##	30	10					48	10	3	1			37	14	2				32	18					23	7			
Cần cố gắng																															
Hợp tác		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Tốt		##	68	39	1				38	27					24	14					34	23					54	34	1		
Đạt		##	29	10					48	10	3	1			37	14	2				32	18					20	5			
Cần cố gắng																															
Tự học và giải quyết vấn đề		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Tốt		##	67	39	1				38	27					24	14					34	23					48	31	1		
Đạt		##	30	10					48	10	3	1			37	14	2				32	18					26	8			
Cần cố gắng																															
III. Phẩm chất																															
Chăm học chăm làm		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Tốt		##	68	39	1				38	27					30	15	1				34	23					48	31	1		
Đạt		##	29	10					48	10	3	1			31	13	1				32	18					26	8			
Cần cố gắng																															
Tự tin trách nhiệm		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		

Tốt		##	67	39	1				38	27					31	15	1				34	23					49	31	1		
Đạt		##	30	10					48	10	3	1			30	13	1				32	18					25	8			
Cần cố gắng																															
Trung thực kỷ luật		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Tốt		##	68	39	1				38	27					43	20	2				34	23					61	36	1		
Đạt		##	29	10					48	10	3	1			18	8					32	18					13	3			
Cần cố gắng																															
Đoàn kết yêu thương		##	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Tốt		##	68	40	1				38	27					45	21	2				34	23					62	37	1		
Đạt		##	29	9					48	10	3	1			16	7					32	18					12	2			
Cần cố gắng																															
IV. Khen thưởng																															
- Giấy khen cấp trường																															
- Giấy khen cấp trên																															
VI. HSDT được trợ giảng																															
VII. HS.K.Tật		3													2					2	1					1					
VIII. HS bỏ học kỳ I																															
+ Hoàn cảnh GĐKK																															
+ KK trong học tập																															
+ Xa trường, đi lại K.khăn																															
+ Thiên tai, dịch bệnh																															
+ Nguyên nhân khác																															

An Thái, ngày tháng 1 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

2. Điểm số học sinh

	Tổng số học sinh	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5					
		Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số				
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																															
1. Tiếng Việt		384	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Điểm 10		92	29	19					23	19					16	10	1				6	5					18	13			
Điểm 9		116	32	15	1				21	11	1	1			18	7					16	13					29	17			
Điểm 8		63	18	7					9	3	1				12	6					11	6					13	7	1		
Điểm 7		48	8	3					11						9	2					14	7					6	1			
Điểm 6		37	5	4					11	3	1				2	1					15	8					4				
Điểm 5		17	3						6	1					2	2					3	1					3	1			
Dưới điểm 5		11	2	1					5						2		1				1	1					1				
2. Toán		384	97	49	1				86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1		
Điểm 10		78	35	21					1	1					7	4					16	11					19	12			
Điểm 9		89	35	16	1				9	7					14	7					10	5					21	12	1		
Điểm 8		69	11	7					20	11					13	4					12	6					13	9			
Điểm 7		58	8	3					18	7	1				13	6	1				9	6					10	2			
Điểm 6		35	1						14	5	1				7	6	1				7	6					6	2			
Điểm 5		41	2	1					20	5	1	1			5	1					11	6					3	2			
Dưới điểm 5		14	5	1					4	1					2						1	1					2				
3. Khoa học		140																			66	41					74	39	1		
Điểm 10		60																									60	35	1		
Điểm 9		32																			23	16					9	3			
Điểm 8		18																			17	10					1				
Điểm 7		16																			14	10					2	1			
Điểm 6		9																			7	2					2				
Điểm 5		5																			5	3									
Dưới điểm 5																															
4. Lịch sử và Địa lý		140																			66	41					74	39	1		
Điểm 10		30																			3	1					27	14			
Điểm 9		40																			17	10					23	16			
Điểm 8		26																			17	15					9	4			
Điểm 7		28																			21	12					7	2			
Điểm 6		10																			6	1					4	1	1		
Điểm 5		6																			2	2					4	2			
Dưới điểm 5																															

5. Ngoại ngữ		287							86	37	3	1			61	28	2				66	41					74	39	1			
Điểm 10		106							23	16					38	20	1				16	12					29	19				
Điểm 9		70							21	11					11	4					13	9					25	14				
Điểm 8		46							14	5	1	1			6	2					13	9					13	4	1			
Điểm 7		24							8	1	1				2	1					11	5					3	2				
Điểm 6		17							4	2					2	1	1				7	3					4					
Điểm 5		11							8	2	1										3	1										
Dưới điểm 5		13							8						2						3	2										
6. Tin học		201													61	28	2				66	41					74	39	1			
Điểm 10		29													3	2					5	3					21	13				
Điểm 9		67													19	6	1				20	14					28	16	1			
Điểm 8		47													16	11					15	10					16	7				
Điểm 7		28													9	4					11	6					8	3				
Điểm 6		19													9	4					9	3					1					
Điểm 5		11													5	1	1				6	5										
Dưới điểm 5																																
7. Tiếng dân tộc																																
Điểm 10																																
Điểm 9																																
Điểm 8																																
Điểm 7																																
Điểm 6																																
Điểm 5																																
Dưới điểm 5																																

An Thái, ngày tháng 1 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

3. Hoạt động chuyên môn - cộng đồng

I. Sinh hoạt chuyên môn trong học kì	Đơn vị tính	
Họp chuyên môn theo tổ	Lần	10
Họp chuyên môn theo trường	Lần	5
Họp chuyên môn theo cụm trường	Lần	9
II. Trợ giảng ngôn ngữ được đánh giá hỗ trợ HS có hiệu quả	Người	
III. Hoạt động Ban đại diện cha, mẹ HS		
Họp Ban đại diện cha mẹ HS	Lần	2
Tham gia tổ chức các hoạt động ngoại khóa	Lần	10
Hỗ trợ các hoạt đông giáo dục của nhà trường		
IV. Hoàn thành tập huấn VNEN	Lượt người	
1. Cấp trung ương		
Giáo viên lớp 2	"	
Giáo viên lớp 3	"	
Giáo viên lớp 4	"	
Giáo viên lớp 5	"	
Cán bộ quản lý (trường)	"	
2. Cấp cụm tỉnh		
Giáo viên lớp 2	"	
Giáo viên lớp 3	"	
Giáo viên lớp 4	"	
Giáo viên lớp 5	"	
Cán bộ quản lý (trường)	"	
3. Cấp trường		
Giáo viên lớp 2	"	
Giáo viên lớp 3	"	

Giáo viên lớp 4	"		
Giáo viên lớp 5	"		
Cán bộ quản lý (trường)	"		
V. Lớp học có đồ dùng học tập tự làm	Lớp	16	
VI. Hoàn thành tập huấn về Dạy - Học cả ngày (FDS)			

Tên Mô-đun tập huấn	Gv hoàn thành tập huấn			HT và Phó HT hoàn thành tập huấn		
	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tổng số	Nữ	Dân tộc
TH31: Tổ chức dạy học, dạy học cả ngày	24	24	1	2	1	
Dạy học đảm bảo chất lượng môn Toán và Tiếng Việt (các lớp 1, 2, 3, 4 và 5)	24	24	1	2	1	
Mô hình trường tiểu học dạy học cả ngày và Lộ trình chuyển đổi						
Kĩ năng giao tiếp ngôn ngữ địa phương cho giáo viên không phải là người dân tộc (Kh'mer/Chăm/Jrai/H'mông)						
Tăng cường kĩ năng giao tiếp tiếng Việt cho học sinh dân tộc						
Dạy học Tiếng Việt 1 - Công nghệ giáo dục						

An Thái, ngày tháng 1 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

3. Thông tin về cơ sở vật chất

Diện tích đất	Số lượng (m2)
Tổng diện tích khuôn viên đất	
Trong đó: Diện tích đất được cấp	33567.2
Diện tích đất đi thuê (mượn)	
Diện tích đất sân chơi, bãi tập	

Phòng	Trên cấp 4		Cấp 4		Tạm		Mượn	
	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)
- Phòng học văn hoá								
Trong đó: + Số phòng học đủ DTích và BGhế phù hợp tổ chức học nhóm	9	504	7	347				
+ Số phòng học đủ diện tích cho việc bố trí các nhóm học tập	9	504	7	347				
+ Số phòng học có đủ bàn ghế phù hợp cho việc tổ chức học nhóm	9	504	7	347.2				
- Phòng học tin học	1	56						
- Phòng học ngoại ngữ			1	50				
- Phòng giáo dục thể chất (đa năng)								
- Hội trường								
- Phòng giáo dục nghệ thuật								
- Phòng giáo dục mỹ thuật								
- Phòng giáo dục âm nhạc								
- Phòng Thư viện			2	99				
- Phòng thiết bị giáo dục			1	32				
- Phòng truyền thống và hoạt động Đội			1	50				
- Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật								
- Phòng y tế học đường			1	17				
- Phòng hiệu trưởng			1	9				
- Phòng phó hiệu trưởng			1	9				
- Phòng giáo viên								
- Phòng họp giáo viên (hội đồng)								
- Văn phòng			1	32				
- Phòng thường trực - Bảo vệ			1	12				
- Nhà công vụ giáo viên								
- Phòng kho lưu trữ								
- Phòng khác								
- Nhà bếp								
- Phòng ăn (HS)								
- Phòng nghỉ (HS)								

Nhà vệ sinh	Dùng cho GV Nam		Dùng cho GV nữ		Dùng cho HS nam		Dùng cho HS nữ	
	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)
Đạt chuẩn vệ sinh (*)								
Chưa đạt chuẩn vệ sinh								

Không có	X	X	X	X

(*) Nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ, nhà tiêu chìm có ống thông hơi, nhà tiêu thấm dội nước, nhà tiêu tự hoại

An Thái, ngày tháng 1 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÙ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	**2018-2019**
Trường :	**Trường TH An Thái**

1. Chất lượng giáo dục

	Tổng số học sinh	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5			
		Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổn		
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
I. Kết quả học tập																													
1. Tiếng Việt		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		174	43	27					38	26	2	1			27	16					27	18					39	26	
Hoàn thành		199	49	20	1				44	10	1				33	12	1				40	24	1	1			33	12	1
Chưa hoàn thành		6	3						2						1		1												
2. Toán		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		169	43	25					34	23	2	1			27	15					26	17					39	24	
Hoàn thành		206	51	22	1				49	13	1				32	12	1				41	25	1	1			33	14	1
Chưa hoàn thành		4	1						1						2	1	1												
3. Đạo đức		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		200	48	26	1				37	25	1				33	16	1				33	22					49	32	
Hoàn thành		179	47	21					47	11	2	1			28	12	1				34	20	1	1			23	6	1
Chưa hoàn thành																													
4. Tự nhiên và Xã hội		240	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2												
Hoàn thành tốt		118	50	27	1				37	26	2	1			31	16	1												
Hoàn thành		122	45	20					47	10	1				30	12	1												
Chưa hoàn thành																													
5. Khoa học		139																			67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		78																			31	21					47	31	
Hoàn thành		61																			36	21	1	1			25	7	1
Chưa hoàn thành																													
6. Lịch sử và Địa lý		139																			67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		73																			30	21					43	29	
Hoàn thành		66																			37	21	1	1			29	9	1
Chưa hoàn thành																													
7. Âm nhạc		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		146	38	25					29	23	1	1			24	16					25	18					30	20	
Hoàn thành		232	56	22	1				55	13	2				37	12	2				42	24	1	1			42	18	1
Chưa hoàn thành		1	1																										

8. Mĩ thuật		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		135	31	23					30	27					24	14	1				19	14					31	19	
Hoàn thành		244	64	24	1				54	9	3	1			37	14	1				48	28	1	1			41	19	1
Chưa hoàn thành																													
9. Thủ công, Kĩ thuật		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		181	42	26					38	26	2	1			27	16					31	21					43	27	
Hoàn thành		197	52	21	1				46	10	1				34	12	2				36	21	1	1			29	11	1
Chưa hoàn thành		1	1																										
10. Thể dục		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		115	28	19					23	20	1	1			21	10					21	12					22	12	
Hoàn thành		263	66	28	1				61	16	2				40	18	2				46	30	1	1			50	26	1
Chưa hoàn thành		1	1																										
11. Ngoại ngữ		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		133	25	16					32	21					23	13					23	17					30	19	
Hoàn thành		244	68	31	1				52	15	3	1			38	15	2				44	25	1	1			42	19	1
Chưa hoàn thành		2	2																										
12. Tin học		200													61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Hoàn thành tốt		77													26	12					23	14					28	16	
Hoàn thành		123													35	16	2				44	28	1	1			44	22	1
Chưa hoàn thành																													
13. Tiếng dân tộc																													
Hoàn thành tốt																													
Hoàn thành																													
Chưa hoàn thành																													
II. Năng lực																													
Tự phục vụ tự quản		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Tốt		225	61	34	1				39	26	2	1			39	20	1				33	22					53	33	1
Đạt		154	34	13					45	10	1				22	8	1				34	20	1	1			19	5	
Cần cố gắng																													
Hợp tác		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Tốt		223	61	34	1				39	26	2	1			35	17	1				33	22					55	35	1
Đạt		156	34	13					45	10	1				26	11	1				34	20	1	1			17	3	
Cần cố gắng																													
Tự học và giải quyết vấn đề		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Tốt		220	61	34	1				39	26	2	1			37	19	1				33	22					50	32	1
Đạt		159	34	13					45	10	1				24	9	1				34	20	1	1			22	6	
Cần cố gắng																													
III. Phẩm chất																													
Chăm học chăm làm		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Tốt		227	61	34	1				39	26	2	1			43	21	1				33	22					51	33	1
Đạt		152	34	13					45	10	1				18	7	1				34	20	1	1			21	5	
Cần cố gắng																													

Tự tin trách nhiệm		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Tốt		219	61	34	1				39	26	2	1			36	18	1				33	22					50	32	1
Đạt		160	34	13					45	10	1				25	10	1				34	20	1	1			22	6	
Cần cố gắng																													
Trung thực kỷ luật		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Tốt		245	61	34	1				39	26	2	1			52	24	2				33	22					60	35	1
Đạt		134	34	13					45	10	1				9	4					34	20	1	1			12	3	
Cần cố gắng																													
Đoàn kết yêu thương		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1
Tốt		249	61	35	1				39	26	2	1			56	24	2				33	22					60	35	1
Đạt		130	34	12					45	10	1				5	4					34	20	1	1			12	3	
Cần cố gắng																													
IV. Khen thưởng																													
- Giấy khen cấp trường																													
- Giấy khen cấp trên																													
VI. HSDT được trợ giảng																													
VII. HS.K.Tật		4													2					2	1					1	1		
VIII. HS bỏ học kỳ II																													
+ Hoàn cảnh GĐKK																													
+ KK trong học tập																													
+ Xa trường, đi lại K.khăn																													
+ Thiên tai, dịch bệnh																													
+ Nguyên nhân khác																													
V. Chương trình lớp học		382	95	47	1				84	36	3	1			63	28	2			2	68	42	1	1		1	72	38	1
Hoàn thành		375	92	47	1				82	36	3	1			61	27	1			2	68	42	1	1		1	72	38	1
Chưa hoàn thành		7	3						2						2	1	1												

An Thái, ngày tháng 5 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

3. Hoạt động chuyên môn - cộng đồng (Học kỳ II)

I. Sinh hoạt chuyên môn trong học kì	Đơn vị tính	
Họp chuyên môn theo tổ	Lần	34
Họp chuyên môn theo trường	Lần	17
Họp chuyên môn theo cụm trường	Lần	4
II. Trợ giảng ngôn ngữ được đánh giá hỗ trợ HS có hiệu quả	Người	
III. Hoạt động Ban đại diện cha, mẹ HS		
Họp Ban đại diện cha mẹ HS	Lần	2
Tham gia tổ chức các hoạt động ngoại khóa	Lần	4
Hỗ trợ các hoạt đông giáo dục của nhà trường		Tích cực
IV. Hoàn thành tập huấn VNEN	Lượt người	
1. Cấp trung ương		
Giáo viên lớp 2	"	
Giáo viên lớp 3	"	
Giáo viên lớp 4	"	
Giáo viên lớp 5	"	
Cán bộ quản lý (trường)	"	
2. Cấp cụm tỉnh		
Giáo viên lớp 2	"	
Giáo viên lớp 3	"	
Giáo viên lớp 4	"	
Giáo viên lớp 5	"	
Cán bộ quản lý (trường)	"	
3. Cấp trường		
Giáo viên lớp 2	"	
Giáo viên lớp 3	"	

Giáo viên lớp 4	"		
Giáo viên lớp 5	"		
Cán bộ quản lý (trường)	"		
V. Lớp học có đồ dùng học tập tự làm	Lớp	16	
VI. Hoàn thành tập huấn về Dạy - Học cả ngày (FDS)			

Tên Mô-đun tập huấn	Gv hoàn thành tập huấn			HT và Phó HT hoàn thành tập huấn		
	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tổng số	Nữ	Dân tộc
TH31: Tổ chức dạy học, dạy học cả ngày	24	24	1	2	1	
Dạy học đảm bảo chất lượng môn Toán và Tiếng Việt (các lớp 1, 2, 3, 4 và 5)	24	24	1	2	1	
Mô hình trường tiểu học dạy học cả ngày và Lộ trình chuyển đổi	24	24	1	2	1	
Kĩ năng giao tiếp ngôn ngữ địa phương cho giáo viên không phải là người						
Tăng cường kĩ năng giao tiếp tiếng Việt cho học sinh dân tộc						
Dạy học Tiếng Việt 1 - Công nghệ giáo dục						

An Thái, ngày tháng 5 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

BIỂU TỔNG HỢP CHUNG VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ - TIN HỌC CÁN BỘ QUẢN LÝ

I	Cán bộ quản lý	Đơn vị tính	Tổng số			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng số	Nữ
	A	B	1	2	3	4
1	Cán bộ quản lý	người	2	1		
1.1	Trình độ ngoại ngữ					
	Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung 6 bậc					
	+ Bậc 1	người	1			
	+ Bậc 2	người	1	1		
	+ Bậc 3	người				
	+ Bậc 4	người				
	+ Bậc 5	người				
	+ Bậc 6	người				
	+ Khác	người				
1.2	Trình độ tin học					
	Chứng chỉ tin học					
	+ Cơ bản	người	2	1		
	+ Nâng cao	người				
	+ Khác	người				
2	Hiệu trưởng		1			
2.1	Trình độ ngoại ngữ	người				
	Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung 6 bậc					
	+ Bậc 1	người	1			
	+ Bậc 2	người				
	+ Bậc 3	người				
	+ Bậc 4	người				
	+ Bậc 5	người				
	+ Bậc 6	người				
	+ Khác	người				
2.2	Trình độ tin học					
	Chứng chỉ tin học					
	+ Cơ bản	người	1			
	+ Nâng cao	người				
	+ Khác	người				
3	Phó hiệu trưởng		1	1		
3.1	Trình độ ngoại ngữ					
	Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung 6 bậc					
	+ Bậc 1	người				
	+ Bậc 2	người	1	1		
	+ Bậc 3	người				
	+ Bậc 4	người				
	+ Bậc 5	người				
	+ Bậc 6	người				
	+ Khác	người				

3.2	**Trình độ tin học**					
	Chứng chỉ tin học					
	+ Cơ bản	người	1	1		
	+ Nâng cao	người				
	+ Khác	người				

An Thái, ngày tháng 5 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

BIỂU TỔNG HỢP CHUNG VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ - TIN HỌC GIÁO VIÊN

I	Giáo viên	Đơn vị tính	Tổng số			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng số	Nữ
1	**Giáo viên**	người	25	25	1	1
1.1	**Trình độ ngoại ngữ**					
	+ Trên đại học	người				
	+ Đại học	người	2	2		
	+ Cao đẳng	người				
	+ Khác	người	21	21	1	1
	+Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung 6 bậc					
	+ Bậc 1	người	5	5		
	+ Bậc 2	người	18	18	1	1
	+ Bậc 3	người				
	+ Bậc 4	người	2	2		
	+ Bậc 5	người				
	+ Bậc 6	người				
	+ Khác					
1.2	**Trình độ tin học**					
	+ Trên đại học	người				
	+ Đại học	người	1	1		
	+ Cao đẳng	người				
	+ Trung cấp	người				
	+ Chứng chỉ					
	+ Cơ bản	người	24	24	1	1
	+ Nâng cao	người				
	+ Khác	người				

An Thái, ngày tháng 5 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CHUẨN CÁN BỘ QUẢN LÝ

II	Cán bộ quản lý	Đơn vị tính	Tổng số	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt
	A	B	1	2	3	4	5
1	**Tổng số trường**	trường	1	x	x	x	x
2	**Tổng số lớp**	lớp	16	x	x	x	x
3	**Cán bộ quản lý**	người	2				
3.1	**Hiệu trưởng**	người	1				
	Hiệu trưởng tự đánh giá theo chuẩn						
	+ Xếp loại chung	người	1			1	
	+ Tiêu chí 1	người	1			1	
	+ Tiêu chí 2	người	1			1	
	+ Tiêu chí 3	người	1				1
	+ Tiêu chí 4	người	1			1	
	+ Tiêu chí 5		1				1
	+ Tiêu chí 6	người	1			1	
	+ Tiêu chí 7	người	1				1
	+ Tiêu chí 8	người	1			1	
	+ Tiêu chí 9	người	1			1	
	+ Tiêu chí 10	người	1				1
	+ Tiêu chí 11	người	1				1
	+ Tiêu chí 12	người	1				1
	+ Tiêu chí 13	Người	1			1	
	+ Tiêu chí 14		1				1
	+ Tiêu chí 15	Người	1			1	
	+ Tiêu chí 16	Người	1			1	
	+ Tiêu chí 17	Người	1			1	
	+ Tiêu chí 18	Người	1			1	
3.2	**Phó hiệu trưởng**	người	1				
	Phó hiệu trưởng tự đánh giá theo chuẩn						
	+ Xếp loại chung	người	1			1	
	+ Tiêu chí 1	người	1				1
	+ Tiêu chí 2	người	1			1	
	+ Tiêu chí 3	người	1			1	
	+ Tiêu chí 4	người	1			1	
	+ Tiêu chí 5	người	1				1
	+ Tiêu chí 6		1			1	
	+ Tiêu chí 7	người	1			1	
	+ Tiêu chí 8	người	1				1
	+ Tiêu chí 9	người	1				1
	+ Tiêu chí 10	người	1				1
	+ Tiêu chí 11	người	1				1
	+ Tiêu chí 12	người	1				1
	+ Tiêu chí 13	người	1				1
	+ Tiêu chí 14	Người	1			1	
	+ Tiêu chí 15		1			1	
	+ Tiêu chí 16	Người	1			1	
	+ Tiêu chí 17	Người	1			1	
	+ Tiêu chí 18	Người	1			1	
	Cấp trên đánh giá Phó hiệu trưởng						
	+ Xếp loại chung	người	1			1	
	+ Tiêu chí 1	người	1				1

	+ Tiêu chí 2	người	1			1	
	+ Tiêu chí 3	người	1			1	
	+ Tiêu chí 4	người	1			1	
	+ Tiêu chí 5	người	1				1
	+ Tiêu chí 6		1			1	
	+ Tiêu chí 7	người	1			1	
	+ Tiêu chí 8	người	1				1
	+ Tiêu chí 9	người	1				1
	+ Tiêu chí 10	người	1				1
	+ Tiêu chí 11	người	1				1
	+ Tiêu chí 12	người	1				1
	+ Tiêu chí 13	người	1				1
	+ Tiêu chí 14	Người	1			1	
	+ Tiêu chí 15		1			1	
	+ Tiêu chí 16	Người	1			1	
	+ Tiêu chí 17	Người	1			1	
	+ Tiêu chí 18	Người	1			1	

An Thái, ngày tháng 5 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP

II	Giáo viên	Đơn vị tính	Tổng số	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt
	A	B	1	2	3	4	5
1	**Số trường**	trường	1	x	x	x	x
2	**Số lớp**	lớp	16	x	x	x	x
3	**Số giáo viên (tính cả giáo viên phụ trách**	người	25				
	Giáo viên tự đánh giá theo chuẩn						
	- Xếp loại chung	người	25			13	12
	+ Tiêu chí 1	người	25			2	23
	+ Tiêu chí 2	người	25			3	22
	+ Tiêu chí 3	người	25			6	19
	+ Tiêu chí 4	người	25			6	19
	+ Tiêu chí 5	người	25			9	16
	+ Tiêu chí 6	người	25			6	19
	+ Tiêu chí 7	người	25			8	17
	+ Tiêu chí 8	người	25			10	15
	+ Tiêu chí 9	người	25			9	16
	+ Tiêu chí 10	người	25			13	12
	+ Tiêu chí 11	người	25			18	7
	+ Tiêu chí 12	người	25			11	14
	+ Tiêu chí 13	Người	25			10	15
	+ Tiêu chí 14	Người	25		4	20	1
	+ Tiêu chí 15	Người	25		2	17	6
	Cấp trên đánh giá giáo viên						
	- Xếp loại chung	người	25			13	12
	+ Tiêu chí 1	người	25			2	23
	+ Tiêu chí 2	người	25			3	22
	+ Tiêu chí 3	người	25			6	19
	+ Tiêu chí 4	người	25			6	19
	+ Tiêu chí 5	người	25			9	16
	+ Tiêu chí 6	Người	25			6	19
	+ Tiêu chí 7	người	25			8	17
	+ Tiêu chí 8	người	25			10	15
	+ Tiêu chí 9	người	25			9	16
	+ Tiêu chí 10	người	25			13	12
	+ Tiêu chí 11	người	25			18	7
	+ Tiêu chí 12	người	25			11	14
	+ Tiêu chí 13	người	25			10	15
	+ Tiêu chí 14	Người	25		4	20	1
	+ Tiêu chí 15	Người	25		2	17	6

An Thái, ngày tháng 5 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

BIỂU TỔNG HỢP CHUNG VỀ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

I	Giáo viên/Nhân viên	Đơn vị tính	Tổng số			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng số	Nữ
1	**Số trường**	trường	1	x	x	x
2	**Số lớp**	lớp	16	x	x	x
3	**Số giáo viên (tính cả giáo viên phụ trách đội)**	người	25	25	1	1
3.1	**Giáo viên bộ môn**		22	22	1	1
	+ Giáo viên tiểu học	người	18	18	1	1
	+ Giáo dục thể chất	người	2	2		
	+ Âm nhạc	người	1	1		
	+ Mỹ thuật	người	1	1		
3.2	**Giáo viên theo trình độ đào tạo**		25	25	1	1
	+ Trung cấp	người	2	2		
	+ Cao đẳng	người	4	4	1	1
	+ Đại học	người	17	17		
	+ Thạc sĩ	người				
	+ Tiến sĩ , TSKH	người				
	+ Khác	người	2	2		
3.3	**Hạng chức danh nghề nghiệp**		25	25	1	1
	+ Hạng II	người	17	17		
	+ Hạng III	người	4	4	1	1
	+ Hạng IV	người	4	4		
	+ Khác	người				
3.4	**Giáo viên theo kết quả đánh giá viên chức**		25	25	1	1
	+ Hoàn thành xuất sắc	người	8	8		
	+ Hoàn thành tốt	người	17	17	1	1
	+ Hoàn thành nhưng còn hạn chế về năng lực	người				
	+ Không hoàn thành	người				
3.5	**Giáo viên dạy giỏi**		21	21	1	1
	+ Cấp trường	người	11	11	1	1
	+ Cấp huyện	người	10	10		
	+ Cấp tỉnh	người				
	+ Cấp toàn quốc	người				
3.6	**Giáo viên chủ nhiệm giỏi**					
	+ Cấp trường	người				
	+ Cấp huyện	người				
	+ Cấp tỉnh	người				
	+ Cấp toàn quốc	người				
3.7	**Giáo viên Phụ trách đội giỏi**		1	1		
	+ Cấp trường	người				
	+ Cấp huyện	người	1	1		
	+ Cấp tỉnh	người				
	+ Cấp toàn quốc	người				
4	**Nhân viên**	người	8	5	1	1
	+ Văn thư	người				
	+ Kế toán	người	1	1		
	+ Y tế	người	1	1	1	1
	+ Thủ quỹ	người				

	+ Thiết bị, thư viên	người	1	1		
	+ Công nghệ thông tin	người				
	+ Hỗ trợ khuyết tật	người				
	+ Giáo vụ	người				
	+ Khác	người	5	2		

An Thái, ngày tháng 5 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

BIỂU TỔNG HỢP CHUNG VỀ CÁN BỘ QUẢN LÝ TIỂU HỌC

I	Cán bộ quản lý	Đơn vị tính	Tổng số			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng số	Nữ
	A	B	1	2	3	4
1	**Tổng số trường**	trường	1	x	x	x
2	**Tổng số lớp**	lớp	16	x	x	x
3	**Cán bộ quản lý**	người	2	1		
	Chia theo trình độ đào tạo		2	1		
	- Trung cấp	người				
	- Cao đẳng	người				
	- Đại học	người	2	1		
	- Thạc sĩ	người				
	- Tiến sĩ , TSKH	người				
	- Khác	người				
	Chia theo độ tuổi		2	1		
	+ Dưới 31 tuổi	người				
	+ Từ 31 - 35 tuổi	người				
	+ Từ 36 - 40 tuổi	người				
	+ Từ 41 - 45 tuổi	người	1	1		
	+ Từ 46 - 50 tuổi	người				
	+ Từ 51 - 55 tuổi	người				
	+ Từ 56 - 60 tuổi	người	1			
	+ Khác	người				
	Hạng chức danh nghề nghiệp		2	1		
	+ Hạng II	người	2	1		
	+ Hạng III	người				
	+ Hạng IV	người				
	+ Khác	người				
	Kết quả đánh giá theo nghị định 90		2	1		
	+ Hoàn thành xuất sắc	người	2	1		
	+ Hoàn thành tốt	người				
	+ Hoàn thành nhưng còn hạn chế về năng lực	người				
	+ Không hoàn thành	người				
3.1	Hiệu trưởng	người	1			
	Chia theo trình độ đào tạo		1			
	- Trung cấp	người				
	- Cao đẳng	người				
	- Đại học	người	1			

	- Thạc sĩ	người				
	- Tiến sĩ , TSKH	người				
	- Khác	người				
	Chia theo độ tuổi		1			
	+ Dưới 31 tuổi	người				
	+ Từ 31 - 35 tuổi	người				
	+ Từ 36 - 40 tuổi	người				
	+ Từ 41 - 45 tuổi	người				
	+ Từ 46 - 50 tuổi	người				
	+ Từ 51 - 55 tuổi	người				
	+ Từ 56 - 60 tuổi	người	1			
	+ Khác	người				
	Hạng chức danh nghề nghiệp		1			
	+ Hạng II	người	1			
	+ Hạng III	người				
	+ Hạng IV	người				
	+ Khác	người				
	Kết quả đánh giá theo nghị định 90		1			
	+ Hoàn thành xuất sắc	người	1			
	+ Hoàn thành tốt	người				
	+ Hoàn thành nhưng còn hạn chế về năng lực	người				
	+ Không hoàn thành	người				
3.2	Phó hiệu trưởng	người	1	1		
	Chia theo trình độ đào tạo		1	1		
	- Trung cấp	người				
	- Cao đẳng	người				
	- Đại học	người	1	1		
	- Thạc sĩ	người				
	- Tiến sĩ , TSKH	người				
	- Khác	người				
	Chia theo độ tuổi		1	1		
	+ Dưới 31 tuổi	người				
	+ Từ 31 - 35 tuổi	người				
	+ Từ 36 - 40 tuổi	người				
	+ Từ 41 - 45 tuổi	người	1	1		
	+ Từ 46 - 50 tuổi	người				
	+ Từ 51 - 55 tuổi	người				
	+ Từ 56 - 60 tuổi	người				
	+ Khác	Người				
	Hạng chức danh nghề nghiệp		1	1		
	+ Hạng II	Người	1	1		
	+ Hạng III	Người				
	+ Hạng IV	Người				
	+ Khác	Người				
	Kết quả đánh giá theo nghị định 90		1	1		
	+ Hoàn thành xuất sắc	người	1	1		

	+ Hoàn thành tốt	người				
	+ Hoàn thành nhưng còn hạn chế về năng lực	người				
	+ Không hoàn thành	người				

An Thái, ngày tháng 5 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

2. Điểm số học sinh

	Tổng số học sinh	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5					
		Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số				
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																															
1. Tiếng Việt		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1		
Điểm 10		88	22	15					22	17					22	11					9	7					13	8			
Điểm 9		120	29	15					21	9	1	1			16	7	1				21	14					33	20			
Điểm 8		77	24	10	1				15	5	1				13	6					13	10	1	1			12	8			
Điểm 7		48	11	4					14	4	1				4	4					12	7					7				
Điểm 6		30	5	3					8	1					5						7	3					5	1	1		
Điểm 5		10	1						2												5	1					2	1			
Dưới điểm 5		6	3						2						1		1														
2. Toán		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1		
Điểm 10		63	16	9					4	2					12	8					19	12					12	4			
Điểm 9		109	22	14					31	22	3	1			14	6					14	11					28	19			
Điểm 8		70	16	7	1				20	7					7	3	1				11	6					16	8	1		
Điểm 7		51	15	7					10	1					7	2					10	4					9	3			
Điểm 6		52	12	4					13	3					14	7					8	5	1	1			5	3			
Điểm 5		30	13	6					5	1					5	1					5	4					2	1			
Dưới điểm 5		4	1						1						2	1	1														
3. Khoa học		139																			67	42	1	1			72	38	1		
Điểm 10		37																			21	15					16	10	1		
Điểm 9		63																			25	16					38	20			
Điểm 8		24																			9	5	1	1			15	7			
Điểm 7		6																			4	2					2	1			
Điểm 6		7																			7	3									
Điểm 5		2																			1	1					1				
Dưới điểm 5																															
4. Lịch sử và Địa lý		139																			67	42	1	1			72	38	1		
Điểm 10		62																			22	15					40	24	1		
Điểm 9		30																			10	8					20	11			
Điểm 8		20																			12	6					8	3			
Điểm 7		13																			9	4					4				
Điểm 6		7																			7	5									
Điểm 5		7																			7	4	1	1							
Dưới điểm 5																															

5. Ngoại ngữ		379	95	47	1				84	36	3	1			61	28	2				67	42	1	1			72	38	1		
Điểm 10		135	13	8					43	23	2	1			25	12					17	13					37	23			
Điểm 9		108	23	15					19	7	1				19	10	1				22	14					25	14			
Điểm 8		52	12	5					11	5					10	1	1				10	6					9	1	1		
Điểm 7		32	15	5					4						2	2					10	6					1				
Điểm 6		25	14	8					1						5	3					5	3	1	1							
Điểm 5		25	16	6	1				6	1											3										
Dưới điểm 5		2	2																												
6. Tin học		200													61	28	2				67	42	1	1			72	38	1		
Điểm 10		32													13	7					8	5					11	5			
Điểm 9		40													14	7					11	5					15	9			
Điểm 8		32													7	4					12	9					13	7			
Điểm 7		29													9	4					6	5					14	9			
Điểm 6		33													6	1	1				12	5					15	7	1		
Điểm 5		34													12	5	1				18	13	1	1			4	1			
Dưới điểm 5																															
7. Tiếng dân tộc																															
Điểm 10																															
Điểm 9																															
Điểm 8																															
Điểm 7																															
Điểm 6																															
Điểm 5																															
Dưới điểm 5																															

An Thái, ngày tháng 5 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI

Đỗ Văn Hoan